**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÒN ĐẤT**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**43**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày:09/5/2019
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

# NHÂN DANH

# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đoạt.**

**2.** Ông **Phạm Văn Nam.**

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 384/2018/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019.

**Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị X,** Sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 13 ấp Mỹ H, xã Mỹ L, huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G

**Bị đơn:** Anh **Huỳnh Văn Đ,** Sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 13 ấp Mỹ H, xã Mỹ L, huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị X và anh Huỳnh Văn Đ lấy nhau là do mai mối và có tổ chức đám cưới vào năm 1995 không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với

nhau hai người con chung là  Huỳnh Kim Sa, sinh năm 1996 và Huỳnh Văn Bảo Linh, sinh năm 1999. Sau thời gian sống chung thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Huỳnh Văn Đ có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài và hai vợ chồng đã ly thân 03 năm nay. Hiện tại thì chị X không còn thương yêu gì anh Đ nữa. Nên chị X xét thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn

Về con chung: Hiện tại hai con đã trưởng thành nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Hiện nay vợ chồng không còn nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Nguyễn Thị X không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày:

Anh Huỳnh Văn Đ và chị Nguyễn Thị X lấy nhau là do mai mối có tổ chức đám cưới vào năm 1995 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau hai người con chung là Huỳnh Thị Kim Sa, sinh năm 1996 và Huỳnh Văn Bảo Linh, sinh năm 1999. Nguyên nhân mâu thuẫn thì anh Đ không biết như thế nào mà vợ anh lại nộp đơn xin ly hôn với anh nữa. Do đó nay chị X yêu cầu  xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hiện tại các con đã trưởng thành nên anh Huỳnh X Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay nợ: Vợ chồng hiện tại không còn nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đây thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G.

- Mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Huỳnh X Đ vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng đối với anh Huỳnh Văn Đ theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn Đ lấy nhau là do mai mối được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến chị Nguyễn Thị X yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn Đ lấy nhau không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vì tại Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng" và tại Điều 53 luật Hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...". Do đó căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn Đ là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn Đ có 02 con chung là cháu Huỳnh Kim Sa, sinh năm 1996 và cháu Huỳnh Văn Bảo Linh, sinh năm 1999. Hiện tại thì hai con đã trưởng thành nên chị X và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị X và anh Đ thừa nhận giữa chị với anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị X, anh Huỳnh Văn Đ thừa nhận vợ chồng không còn nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 14, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

1. Về Hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn Đ là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị X và anh p

Huỳnh Văn Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0009191 ngày 03 tháng 12 năm 2018 số tiền theo biên lai là 300.000 đồng. Như vậy chị Nguyễn Thị X đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Huỳnh Văn Đ vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang
- Lưu;

**Trương Thanh Toàn**